

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R’LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11/3/2020

*“Về việc không công nhận
quan hệ vợ chồng”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R’LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thùỵ

2. Ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R’Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R’Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R’Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2019, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị V, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn 01, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn 01, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng C Việt Nam

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành T – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện B, tỉnh Đắc Nông.

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn D, huyện Đắc R’Lấp, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị V trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức T chung sống từ năm 1991, có đăng kết hôn tại UBND xã E, huyện F, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tình cảm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T sống gia trưởng, xúc phạm bà, bạo lực về tinh thần cũng như về kinh tế, bà đã cố gắng chịu đựng vì gia đình và con cái nhưng cho đến nay thì bà không chịu nổi nữa, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 09/2018 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không, cuộc hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 06 con chung là: Nguyễn Bá H, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 1993; Nguyễn Thị L1, sinh năm 1995; Nguyễn Đức H, sinh năm 1999; Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 15/5/2002 và Nguyễn Võ Đoan K, sinh ngày 22/10/2012.

Các cháu H, L, L1, H đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu C và K bà xin được nuôi cả hai cháu đến tuổi trưởng thành,

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung vì ông T thường xuyên vắng nhà nên không chăm lo cho các cháu được.

Về tài sản chung: Khi nộp đơn khởi kiện bà có yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà V đã làm đơn xin rút phần tài sản chung không yêu cầu giải quyết nữa.

Về nợ chung: Bà cho rằng vợ chồng có nợ Ngân hàng C Việt Nam– Chi nhánh huyện B số tiền 250.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: Ông T thừa nhận lời trình bày của bà V về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung là đúng, vợ chồng sống không hạnh phúc và hiện đang ly thân. Nay ông T đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông đồng ý để cháu Khoa, cháu Chi cho bà V nuôi đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị V và ông Nguyễn Đức T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 15/5/2002 và Nguyễn Võ Đoan K, sinh ngày 22/10/2012 cho bà Võ Thị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Bà Võ Thị V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thị V đối với ông Nguyễn Đức T.

Về nợ chung: Ngân hàng không yêu cầu cho nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Võ Thị V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp giải quyết việc ly hôn của bà với ông Nguyễn Đức T. Bị đơn là anh Nguyễn Đức T có địa chỉ tại xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ông Nguyễn Đức T là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn là bà Võ Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Đức T và bà Võ Thị V theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị V và ông Nguyễn Đức T sống chung với nhau từ năm 1989 đến năm 1991 thì đã đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện F, tỉnh Lâm Đồng. Bà V và ông T đều khẳng định ông, bà có đăng ký kết hôn nhưng nay đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ theo xác nhận của UBND xã E, huyện F, tỉnh Lâm Đồng cung cấp thì trong sổ bộ lưu lại không có lưu trữ về việc đã đăng ký kết hôn của bà V, ông T. Vì vậy, không có chứng cứ chứng minh ông, bà có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân của ông, bà vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý....”*

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.*

Như vậy, căn cứ vào các quy định của pháp luật yêu cầu của bà V là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận

đơn khởi kiện của bà V về việc xin ly hôn, không công nhận bà Võ Thị V và ông Nguyễn Đức T là vợ chồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về con chung: Ông bà có 06 con chung, 04 cháu đầu đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu C và cháu K thì bà V có nguyện vọng được nuôi các cháu đến tuổi trưởng thành và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao hai cháu C, K cho bà V nuôi dưỡng là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Bà V đã có đơn xin rút phần tài sản chung không yêu cầu giải quyết nữa nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bà V là phù hợp.

[7]. Về nợ chung: Ông T và bà V đều thừa nhận có nợ ngân hàng C Việt Nam – Chi nhánh huyện B số tiền 250.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng có ý kiến về khoản vay này nhưng phía Ngân hàng không có ý kiến gì nên không có cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[8]. Về chi phí tố tụng: Bà V tự nguyện nộp toàn bộ chi phí tố tụng liên quan đến việc xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc liên quan đến yêu cầu chia tài sản do bà tự rút yêu cầu chia tài sản. Tổng cộng là 6.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 6.000.000 đồng bà đã tạm ứng, bà đã nộp xong.

[9]. Về án phí: Bà Võ Thị V là nguyên đơn phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bà V, ông T, Ngân hàng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị V đối với ông Nguyễn Đức T.

1. 1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị V và ông Nguyễn Đức T là quan hệ vợ chồng.

1. 2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 15/5/2002 và Nguyễn Võ Đoàn K, sinh ngày 22/10/2012 cho bà Võ Thị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Đức T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

1.3. Về cấp dưỡng: Bà Võ Thị V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.4. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thị V đối với ông Nguyễn Đức T.

1.5. Về nợ chung: Đối với số nợ 250.000.000đ mà bà Võ Thị V, ông Nguyễn Đức T vay của Ngân hàng C Việt Nam – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Nông. Tòa án không đề cập giải quyết.

1.6. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị V phải nộp 6.000.000đồng tiền thẩm định, đo đạc, bà V đã nộp xong.

2. Về án phí: Bà Võ Thị V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000357 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Nông. Bà Võ Thị V được nhận lại 5.950.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã E, huyện F, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh